

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN DI LINH – TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2020/HNGĐ-ST
Ngày 06 - 5 - 2020
V/v xin ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DI LINH – TỈNH LÂM ĐỒNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Văn Sỹ.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trần Thị Phúc, bà Lê Thị Chung.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đoàn Thị Vui – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện VKSND huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Ông Phạm Duy Khánh - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng. Xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 300/2019/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 12 năm 2019, về việc xin ly hôn. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2020/QĐXX-HNGĐ ngày 10 tháng 02 năm 2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Trịnh Thị L; sinh năm 1990; địa chỉ: Thôn T, xã Y, huyện G, tỉnh N. Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Bị đơn: Anh Đoàn Trung N; sinh năm 1979; địa chỉ: Thôn S, xã H, huyện D, tỉnh L. Vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình tố tụng của nguyên đơn chị Trịnh Thị L có nội dung: Chị L và anh N tự nguyện đăng ký kết hôn vào ngày 06/9/2013 tại UBND xã H, huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại Thôn S, xã H, huyện D, tỉnh L, có 01 con chung tên là Đoàn Trung T, sinh ngày 01/11/2013. Do tính cách, suy nghĩ khác nhau nên vợ chồng phát

sinh mâu thuẫn Do anh N nhiều lần đánh chị L nên chị đưa con về sống cùng cha, mẹ đẻ tại Thôn T, xã Y, huyện G, tỉnh N từ cuối năm 2015 đến nay, từ đó đến nay cuộc sống của ai người ấy tự lo và không quan tâm đến nhau nữa. Nay vợ chồng không còn yêu thương nhau nữa nên chị L tự nguyện làm đơn xin ly hôn với anh N. Khi ly hôn, chị L yêu cầu được tiếp tục nuôi con và không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con. Do vợ chồng không có tài sản chung, không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản.

Tại Biên bản ghi lời khai ngày 16/01/2020, anh N trình bày: Công nhận về việc kết hôn, mâu thuẫn và sống ly thân cũng như về con chung, về tài sản chung như chị L trình bày là đúng. Anh N cũng xác định vợ chồng không còn yêu thương nhau nữa. Tuy nhiên anh chỉ đồng ý ly hôn với điều kiện anh được nuôi con chung là Đoàn Trung T, sinh ngày 01/11/2013 và không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Di Linh đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết cho chị L được ly hôn với anh N, giao cho chị L nuôi dưỡng cháu Đoàn Trung T và anh N không phải cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu và xem xét các tài liệu chứng cứ đã thu thập được thẩm tra tại phiên Tòa, ý kiến của các đương sự, của đại diện Viện kiểm sát và kết quả tranh luận tại phiên Tòa hôm nay. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn chị Trịnh Thị L xin xét xử vắng mặt. Bị đơn anh Đoàn Trung N đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ Điều 227, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự là đúng pháp luật.

[2] Về hôn nhân: Chị Trịnh Thị L và anh Đoàn Trung N tự nguyện xác lập quan hệ hôn nhân hợp pháp, được UBND xã H cấp chứng nhận kết hôn số 68 ngày 06 tháng 9 năm 2013. Do bất đồng về nhiều vấn đề trong cuộc sống nên giữa hai người phát sinh mâu thuẫn trầm trọng. Vì vậy, chị L và anh N đã ly thân từ năm 2015, từ đó đến nay cuộc sống của ai người ấy tự lo và không quan tâm đến nhau nữa. Nay chị L xác định vợ chồng không còn yêu thương nhau nên tự nguyện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn. Về phía anh N cũng xác định vợ chồng không còn yêu thương nhau nữa nhưng chỉ đồng ý ly hôn với điều kiện anh được nuôi con chung là Đoàn Trung T. Tuy nhiên, quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập nhiều lần để anh N tham gia hòa giải, tham gia phiên tòa nhưng anh N đều vắng mặt. Qua đó cho thấy thực chất anh N không còn yêu thương và không mong muốn chung sống cùng

chị L nữa. Hôn nhân giữa chị L và anh N đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Cần áp dụng Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 xử cho chị L và anh N ly hôn là phù hợp.

[3] Về con chung, tài sản chung: Chị L và anh N có một con chung là cháu Đoàn Trung T, sinh ngày 01/11/2013 hiện do chị L đang nuôi dưỡng. Nay chị L và anh N đều có nguyện vọng được nuôi con. Xét thấy, từ năm 2015 đến nay, cháu Đoàn Trung T được chị L trực tiếp nuôi dưỡng, học tập tại Thôn T, xã Y, huyện G, tỉnh N. Để ổn định cuộc sống và việc học tập của cháu Đoàn Trung T. Cần giao cho chị L tiếp tục nuôi con, anh N không phải cấp dưỡng nuôi con như chị L yêu cầu là phù hợp. Về tài sản, do đương sự không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[4] Về án phí: Chị L phải chịu 300.000đ án phí xin ly hôn.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, các Điều 35, 39, 144, 147, 227, 235, 238, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 58, 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chị Trịnh Thị L được ly hôn với anh Đoàn Trung N.

2. Giao cho chị Trịnh Thị L trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Đoàn Trung T, sinh ngày 01/11/2013. Anh Đoàn Trung N không phải cấp dưỡng nuôi con.

Quyền thăm nom con, quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, yêu cầu thay đổi về cấp dưỡng nuôi con của các đương sự được thực hiện theo qui định của pháp luật.

3. Về án phí: Chị Trịnh Thị L phải chịu 300.000đ án phí xin ly hôn, được trừ vào 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số AA/2016/0014548 ngày 23 tháng 12 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Di Linh (đã nộp đủ).

4. Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án, hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

5. Bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Lâm đồng;
- VKSND huyện Di Linh;
- Chi cục THADS huyện Di Linh;
- UBND xã H;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Văn Sỹ